

HOÀN THIỆN MÔI TRƯỜNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Nguyễn Hồ Minh Trang*

Ngày nhận bài: 24/03/2022

Ngày nhận bản sửa: 14/06/2022

Ngày duyệt đăng: 27/06/2022

Tóm tắt. Theo thống kê của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế (TTH), tính đến năm 2021 tỉnh có 113 dự án FDI đang hoạt động với tổng vốn đăng ký 3.831,21 triệu USD. Tuy nhiên, môi trường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài chưa hấp dẫn, chưa đáp ứng mong muốn, chưa hỗ trợ cho các nhà đầu tư và chưa đủ lực để trở thành công cụ xúc tiến, thu hút FDI của các nhà quản lý. Các quy định về ưu đãi, thu hút đầu tư nước ngoài chậm ban hành, còn phân biệt giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài khi xây dựng và ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư. Bài viết tập trung phân tích thực trạng hoàn thiện môi trường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh TTH giai đoạn 2015 – 2021, đánh giá những thành tựu và hạn chế của quá trình hoàn thiện môi trường thu hút FDI. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp hoàn thiện hơn môi trường thu hút FDI ở TTH trong thời gian tới

Từ khóa: Hoàn thiện; Môi trường thu hút vốn; Đầu tư trực tiếp nước ngoài; FDI.

1. Đặt vấn đề

Tỉnh TTH với lợi thế là một tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có 6 khu công nghiệp lớn, có sân bay quốc tế Phú Bài, cảng nước sâu Chân Mây, các di sản văn hóa thế giới. Đây là lợi thế cũng như cơ hội để TTH thu hút đầu tư vào các lĩnh vực kinh tế, các ngành nghề. Thời gian qua, cùng với ban hành nhiều chính sách thu hút đầu tư, tỉnh TTH đã quan tâm công tác xúc tiến và hỗ trợ đầu tư trực tiếp nước ngoài; nhất là tập trung cải thiện các thủ tục hành chính, minh bạch hóa môi trường đầu tư, kinh doanh và tạo điều kiện tốt nhất cho các nhà đầu tư nước ngoài đến nghiên cứu và triển khai dự án trên địa bàn tỉnh, do đó tình hình đầu tư nước ngoài của tỉnh TTH đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận. Sự phát triển của các dự án có vốn FDI của tỉnh TTH về số lượng cũng như chất lượng đã có những chuyển biến tích cực, song vẫn còn thấp so với các tỉnh, thành khác như: Đà Nẵng, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Bình Dương, Ninh Thuận, Bà Rịa – Vũng Tàu,... Bên cạnh đó, môi trường thu hút FDI vẫn còn tồn tại một số những hạn chế đòi hỏi cần phải có những giải pháp tích cực để thu hút mạnh mẽ nguồn vốn FDI bền vững, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Vì vậy, bài viết sẽ tập trung nghiên cứu môi trường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh TTH, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn

* Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, email: nhmtrang@hce.edu.vn

thiện môi trường hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh TTH trong thời gian tới.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Vấn đề về hoàn thiện môi trường thu hút FDI ở Việt Nam đã có nhiều tác giả, công trình nghiên cứu trên từng góc độ khác nhau như:

Trương Đoàn Thế (2004) Hoàn thiện quản lý nhà nước các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Hà Nội. Nghiên cứu này đã phân tích thực trạng quản lý Nhà nước các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Hà Nội và đề xuất giải pháp hoàn thiện quản lý Nhà nước các doanh nghiệp nước ngoài ở Hà Nội

Hà Xuân Ván (2008) “Hoàn thiện môi trường chính sách khuyến khích đầu tư vốn ở tỉnh TTH hiện nay”. Trên cơ sở hệ thống hóa được cơ sở lý luận về môi trường chính sách khuyến khích đầu tư vốn, nghiên cứu đã phân tích thực trạng môi trường chính sách khuyến khích đầu tư vốn ở tỉnh TTH giai đoạn 2000 – 2008 và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện môi trường chính sách khuyến khích đầu tư vốn ở tỉnh TTH

Hoàng Thanh Bình (2012) với đề tài “*Nghiên cứu giải pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh TTH*”. Nghiên cứu đã tập trung làm rõ thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở TTH giai đoạn 2005 – 2011, đề xuất một số giải pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh TTH.

Nguyễn Thị Nhật Ly (2014) với đề tài “*Thực trạng thu hút FDI vào lĩnh vực công nghệ cao ở tỉnh TTH giai đoạn hiện nay*”. Trên cơ sở phân tích thực trạng thu hút FDI vào lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp nhằm thu hút FDI vào lĩnh vực công nghệ cao ở TTH đến năm 2020

Nhìn chung những nghiên cứu trên chỉ tập trung vào phân tích thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và môi trường chính sách khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài ở các tỉnh và địa phương mà chưa đi sâu đánh giá hoàn thiện môi trường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam nói chung và tỉnh TTH nói riêng.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu được thực hiện gồm thống kê mô tả, phương pháp phân tích định tính và phương pháp chuyên gia, phương pháp thu thập thông tin từ các dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp, phương pháp điều tra tổng thể bằng bảng hỏi. Ngoài ra, bài viết còn sử dụng phương pháp phân tổ thống kê để hệ thống hóa, sau đó sẽ tiến hành tổng hợp, phân tích các nội dung cần nghiên cứu.

Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua cuộc khảo sát của tác giả tại 100 doanh nghiệp FDI ở TTH vào tháng 7/2021, người trả lời phỏng vấn là lãnh đạo hoặc trưởng phòng tại các doanh nghiệp FDI nhằm phân tích và đánh giá thực trạng môi trường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh TTH. Phỏng vấn sâu 30 chuyên gia trong lĩnh vực FDI và các cán bộ lãnh đạo tỉnh TTH để từ đó đề xuất các hàm ý chính sách giúp hoàn thiện hơn môi trường thu hút FDI tại tỉnh TTH trong thời gian tới. Các bảng hỏi được xử lý bằng phần mềm Excel.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng môi trường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh TTH giai đoạn 2015 - 2021

4.1.1. Môi trường pháp lý, cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư và thủ tục hành chính

*** Môi trường pháp lý, cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư**

Ủy ban nhân dân tỉnh luôn bám sát quy chế xây dựng và thực hiện chương trình xúc tiến quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại các Quyết định số 109/QĐ-TTg ngày 17/7/2007, Quyết định số 26/2012/QĐ-TTg ngày 08/6/2012, căn cứ vào quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch ngành lĩnh vực, sản phẩm xây dựng và ban hành danh mục các dự án kêu gọi theo từng thời kỳ như: Quyết định số 1696/QĐ-UBND ngày 28/7/2008 về việc duyệt danh mục dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn 2008-2010, Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 09/09/2010 về việc duyệt danh mục dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn 2010-2015, Quyết định số 1961/QĐ-UBND ngày 29/10/2012 về việc phê duyệt điều chỉnh danh mục các dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn 2010-2015, Quyết định số 2681/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 về việc phê duyệt danh mục các dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn 2015-2016 và định hướng đến 2020.

Để tăng cường thu hút đầu tư ngoài các chính sách ưu đãi đầu tư theo các quy định của pháp luật, UBND tỉnh ban hành các chính sách ưu đãi đầu tư phù hợp về khả năng hỗ trợ ngân sách của tỉnh và theo từng lĩnh vực và địa bàn ưu tiên kêu gọi đầu tư theo từng thời kỳ như: Quyết định số 2228/QĐ-UBND ngày 28/9/2007, Quyết định số 1130/QĐ-UBND ngày 13/5/2008, Quyết định số 1337/2009/QĐ-UBND ngày 07/7/2009, Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ngày 05/11/2013 và đang tiếp tục nghiên cứu xây dựng chính sách ưu đãi mới nhằm phù hợp các quy định hiện hành và tăng cường thu hút đầu tư vào tỉnh TTH theo đó tất cả các dự án đầu tư vào tỉnh đều được đảm bảo về cơ sở hạ tầng và hỗ trợ đào tạo lao động để dự án đưa vào hoạt động hiệu quả.

Để tạo thuận lợi cho nhà đầu tư nước ngoài nghiên cứu dự án, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản đề hướng dẫn nhà đầu tư như: Công văn số 5809/UBND-XT ngày 31/12/2010 của UBND tỉnh về ban hành quy trình hướng dẫn giải quyết thủ tục thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, Quyết định số 33/2012/QĐ-UBND ngày 12/10/2012 của UBND tỉnh về Ban hành Quy trình thủ tục thực hiện, giám sát, quản lý dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh TTH, Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 025/4/2016 của UBND tỉnh về Ban hành Quy định Trình tự thủ tục thực hiện, giám sát, quản lý dự án đầu tư và xây dựng không sử dụng vốn nhà nước ở TTH.

Bên cạnh đó, tỉnh TTH đã luôn có các chính sách Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc tìm hiểu về pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư; tiềm năng, thị trường, đối tác và cơ hội đầu tư; hỗ trợ nhà đầu tư triển khai dự án sau khi được cấp phép đầu tư để đẩy nhanh tiến độ.

Nhìn chung, các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của tỉnh đã góp phần cải thiện, minh bạch môi trường đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh. Các nhà đầu tư đánh giá chính sách đầu tư vào tỉnh TTH là rõ ràng và đã góp phần làm chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đứng trong nhóm tốt. Dù nguồn lực tỉnh còn hạn chế nhưng cũng đã có ưu tiên hỗ trợ hạ tầng ngoài hàng rào cho các dự án lớn, hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế góp phần thu hút các dự án lớn như dự án du lịch Laguna, xi măng Đồng Lâm, các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng tại KCN Phú Bài, Phong Điền là cơ sở quan trọng để kêu gọi các nhà đầu tư thứ cấp. Tuy nhiên, hiện nay hạ tầng chưa đáp ứng cho công tác xúc tiến đầu tư đặc biệt là hạ tầng giao thông đối ngoại là sân bay, cảng biển và hạ tầng giao thông kết nối với các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu vực ven biển và đầm phá.

*** Về cải cách thủ tục hành chính**

Giai đoạn từ năm 2016-2020: Triển khai Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 28/4/2016 và Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2016-2017, định hướng đến năm 2020; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 về Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2016-2020; đồng thời ban hành cụ thể các kế hoạch về kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC), rà soát TTHC, kiểm tra công tác kiểm soát TTHC hàng năm.

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, UBND tỉnh đã chỉ đạo thành lập Bộ phận Một cửa hiện đại các cấp, tập trung đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ như: Tổ chức thực hiện tại chỗ toàn bộ quy trình giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp; rút ngắn tối thiểu 10% thời gian giải quyết TTHC so với quy định hiện hành; tăng cường kiểm soát quá trình giải quyết TTHC, đặc biệt áp dụng dịch vụ công trực tuyến; thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích; tổ chức đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi tham gia thực hiện TTHC; công khai xin lỗi tổ chức, cá nhân khi giải quyết TTHC bị sai sót, quá hạn...

Số liệu báo cáo thực tế tại tỉnh TTH giai đoạn 2016-2020 cho thấy, công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PA, KN) của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính ngày càng được các sở, ban, ngành và chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã quan tâm. Hầu hết các cơ quan đã công khai đầy đủ số điện thoại, địa chỉ tiếp nhận PA, KN và chủ động xây dựng thư mục “Góp ý PA, KN” trên Trang thông tin điện tử tỉnh TTH và của đơn vị mình.

Đồng thời, đã tiến hành rà soát lại bộ TTHC thuộc thẩm quyền; quy trình nội bộ, quy trình điện tử; thực hiện toàn bộ quy trình tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả thuộc thẩm quyền tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Tiến hành công bố Danh mục TTHC chuẩn hóa một số lĩnh vực theo thẩm quyền của đơn vị. Tập trung hoàn thiện, phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số phục vụ người dân, doanh nghiệp; bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng; đảm bảo

chỉ số xếp hạng Chính quyền điện tử luôn nằm ở nhóm đầu toàn quốc. Hiện nay, đã tích hợp công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia: 632 TTHC áp dụng dịch vụ công 3, 4. Ứng dụng Dịch vụ công trực tuyến trên nền tảng di động, tích hợp lên ứng dụng Hue-S.

Bảng 1: Xếp hạng trong Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (1-63) của tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016 – 2020

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
Gia nhập thị trường	8.36	7.93	8.5	7.11	7.09
Tiếp cận đất đai	6.14	6.46	7.07	6.66	6.33
Tính minh bạch	6.25	6.53	6.95	6.57	6.36
Chi phí thời gian	6.29	6.41	5.92	6.56	8.07
Chi phí không chính thức	5.45	5.68	5.90	6.40	6.97
Cạnh tranh bình đẳng	4.58	4.44	4.96	6.69	7.58
Tính năng động	3.88	5.81	5.34	6.61	6.52
Dịch vụ hỗ trợ Doanh nghiệp	6.03	5.69	5.88	5.98	5.50
Đào tạo lao động	6.13	6.86	6.30	7.35	6.52
Thiết chế pháp lý	5.31	6.00	6.86	6.96	6.99
PCI	59.68	62.37	63.51	66.50	65.03
Xếp hạng	23	29	30	20	17

Nguồn: https://pcvietnam.vn/ho-so-tinh/tthue#ranking_competitiveness

Các chỉ số cải cách hành chính có nhiều tiến bộ: Chỉ số Cải cách hành chính (PARINDEX 2020) tăng 10 bậc xếp vị thứ 3; PCI xếp vị thứ 17 (tăng 3 bậc so với năm 2019); PAPI nằm trong top 10 của cả nước; ứng dụng CNTT (ICT-index) năm 2020 giữ nguyên vị trí thứ 2 so với năm 2019; Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh TTH (năm thứ 2 liên tiếp) đạt giải thưởng Sao Khuê ở lĩnh vực “Các nền tảng chuyển đổi số”.

Đặc biệt, thời gian qua, tỉnh TTH đã chủ trương xây dựng môi trường đầu tư theo hướng công khai, minh bạch các dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn. Với sự chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo tỉnh cùng nhiều giải pháp triển khai cụ thể, tỉnh đã thu hút được nhiều dự án đầu tư quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Nhờ quá trình cải cách thủ tục hành chính gọn nhẹ mà trong thời gian qua, các cấp, các ngành đã kịp thời cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp thông qua việc đăng tải các thông tin về thủ tục hành chính, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế chính sách, danh mục dự án kêu gọi đầu tư trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư, doanh nghiệp giải quyết công việc và nghiên cứu, tìm hiểu cơ hội đầu tư.

4.1.2. Môi trường kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội

Xác định cơ sở hạ tầng là động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, là yếu tố quan trọng đẩy mạnh hoạt động thu hút đầu tư, trong thời gian qua tỉnh TTH đã huy động

mọi nguồn lực đầu tư cả trong và ngoài nước, áp dụng những chính sách khuyến khích, hỗ trợ để không ngừng xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng. Đến nay hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội tại TTH tương đối đồng bộ và cơ bản đáp ứng yêu cầu của sự phát triển.

Trong giai đoạn 2015-2021, tỉnh TTH đã tập trung chỉ đạo cụ thể hóa bằng nhiều văn bản để thúc đẩy phát triển đô thị. Hoàn thành xây dựng đề án quy hoạch, điều chỉnh chung các đô thị động lực thành phố Huế. Hiện nay, tỷ lệ phủ kín quy hoạch chung xây dựng đô thị toàn tỉnh đạt 100%; tỷ lệ phủ kín quy hoạch chi tiết xây dựng so với diện tích đất xây dựng đô thị đạt trung bình 58,12%; tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu tại các đô thị trung tâm như: Thành phố Huế đạt 95,26%, thị xã Hương Trà đạt 18,24%, thị xã Hương Thủy đạt 17,81%; quy hoạch chi tiết đạt 14,1%; Tỷ lệ các xã hoàn thành lập quy hoạch nông thôn mới đạt 92/92 xã (tỷ lệ 100%)

Một số dự án hạ tầng giao thông lớn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng được quan tâm đầu tư trên địa bàn tỉnh như: Cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi, đường La Sơn – Tuy Loan, mở rộng hầm đường bộ Hải Vân, đường Cam Lộ - La Sơn, mở rộng hầm Phước Tượng – Phú Gia, nâng cấp hoàn thiện các bến của cảng biển Chân Mây. Hệ thống giao thông đô thị được chỉnh trang cải tạo, nhất là các tuyến đường dọc theo bờ sông Hương, đường nội đô được quan tâm cải tạo, nâng cấp khá đồng bộ.

Tỉnh cũng tập trung đầu tư các dự án hạ tầng phát triển kinh tế, phát triển đô thị Huế, bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế, hạ tầng phục vụ phát triển du lịch, an sinh xã hội. Nhiều công trình, dự án trọng điểm được đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả, cụ thể: dự án chỉnh trang, phát triển đô thị, xây dựng các khu tái định cư phục vụ dự án di dời dân cư, giải phóng mặt bằng Khu vực I Kinh thành Huế; xây dựng các tuyến đường giao thông kết nối đô thị trung tâm với đô thị vệ tinh, kết nối vùng, kết nối điểm du lịch, tạo động lực phát triển và các tính chất lan tỏa

Tỉnh đã hoàn thành các dự án đầu tư hạ tầng khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô. Các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề được quan tâm lập quy hoạch và đầu tư hạ tầng kỹ thuật.

4.1.3. Môi trường chính trị - xã hội và sự ổn định kinh tế vĩ mô

*** *Môi trường chính trị - xã hội***

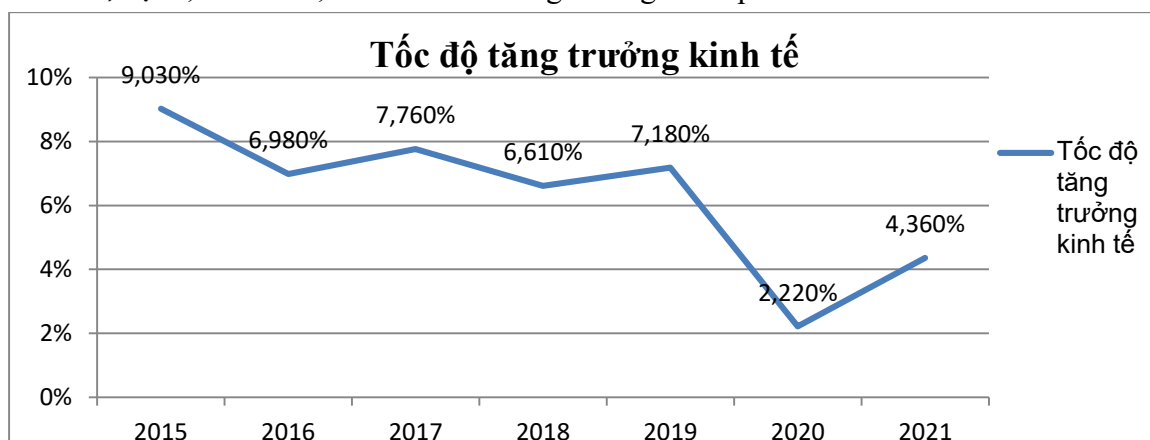
Môi trường chính trị xã hội ở TTH được đánh giá ổn định. Đặc biệt, công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội được tăng cường; các lực lượng chức năng thường xuyên theo dõi, nắm chắc tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn - xã hội trên địa bàn; ứng phó kịp thời với các diễn biến do tác động của dịch Covid - 19; tổ chức nhiều đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm và tệ nạn xã hội, trong đó tập trung vào các loại tội phạm can dự vào các hoạt động kinh tế, nhất là đất đai, khoáng sản, đầu tư xây dựng... nên đã cơ bản ngăn chặn, loại trừ được tội phạm trộm cắp, gây rối, cản trở việc thực hiện các dự án, đình công, lãn công, tạo được niềm tin cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư yên tâm phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

Trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, Công an các đơn vị, địa phương trên toàn tỉnh đã mở hàng chục đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm. Thời gian 2016-2021, lực lượng Công an toàn tỉnh đã khởi tố, điều tra, đề nghị truy tố 5.155 bị can/ 3.244 vụ phạm pháp hình sự. Đặc biệt, với những nỗ lực, quyết tâm, hàng loạt chuyên án, vụ án liên quan đến tội phạm công nghệ cao đã liên tiếp được đưa ra ánh sáng. Trong đó, tiêu biểu như chuyên án đấu tranh bắt giữ nhóm đối tượng người Nigeria sử dụng mạng Internet, mạng xã hội để lừa đảo xuyên quốc gia chiếm đoạt tài sản của nhiều nạn nhân lên đến trên 100 tỷ đồng.

Đặc biệt trong giai đoạn 2020-2021 khi dịch Covid – 19 xuất hiện và có những diễn biến phức tạp trên địa bàn tỉnh, các đơn vị địa phương đã tập trung truy vết nhanh, khoanh vùng các điểm dịch; quản lý và vận hành tốt các khu cách ly tập trung; tiếp nhận và giám sát hàng ngàn công dân về cách ly y tế. Các cấp các ngành đã tập trung cao độ trong công tác phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh Covid-19, không chủ quan, lơ là, mất cảnh giác; thực hiện tốt công tác phòng chống dịch theo chỉ đạo của Chính phủ và của tỉnh; trong đó ưu tiên kiểm soát chặt chẽ người từ các vùng có dịch về hoặc đến TTH. Chính quyền địa phương phải chủ động xây dựng và triển khai các phương án phối hợp, hiệp đồng với lực lượng quân đội, công an sẵn sàng ứng phó có hiệu quả dịch bệnh ở mọi cấp độ. Đã luôn bảo đảm nhân lực, vật lực để duy trì hoạt động của các chốt kiểm soát y tế trong mọi tình huống.

* Ổn định kinh tế vĩ mô

Trong giai đoạn 2015 – 2021, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của tỉnh TTH khá cao, đạt 6,31%/năm, cao hơn mức tăng trưởng bình quân của cả nước.



Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh TTH

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế thực tế của tỉnh TTH giai đoạn 2015 – 2021

Nhìn vào hình 1, ta có thể thấy rõ, tốc độ tăng trưởng kinh tế thực tế (RGDP) của tỉnh TTH có xu hướng giảm dần do chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố khách quan và chủ quan nên tăng trưởng kinh tế ở TTH không đều. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng kinh tế ở TTH

đã có những bước phát triển nhất định. Năm 2016 tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm mạnh (6,98%) do cả 3 khu vực công nghiệp và xây dựng, khu vực dịch vụ, khu vực nông, lâm, thủy sản đều có tốc độ tăng trưởng chậm so với năm 2015. Trong đó khu vực nông, lâm, thủy sản tăng trưởng âm do chịu ảnh hưởng thời tiết và sự cố môi trường biển đã tác động không nhỏ đến hoạt động đánh bắt, nuôi trồng và tiêu thụ thủy hải sản; khai thác gỗ rừng trồng khó khăn về thị trường xuất khẩu. Khu vực công nghiệp tăng chậm do một số sản phẩm chủ lực những tháng đầu năm mức tiêu thụ giảm sâu. Trong khu vực dịch vụ, ngành thương mại tăng trưởng chậm do doanh thu bán buôn giảm. Năm 2017 tốc độ tăng trưởng kinh tế đã được cải thiện đáng kể (7,76%). Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2018 lại thấp hơn so với năm 2017 (6,61%) và tăng trở lại vào năm 2019 (7,18%) đứng đầu trong 5 tỉnh Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế của cả nước. Tuy nhiên đến năm 2020, dưới ảnh hưởng dịch Covid – 19 tốc độ tăng trưởng của tỉnh chỉ đạt 2,22% với tổng sản phẩm đạt 3.2047 tỷ đồng, trong đó ngành xây dựng đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất 7,21%, trong khi đó ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 26,35% so với năm 2019. Bước qua năm 2021 với quyết tâm thực hiện “mục tiêu kép” vừa kiểm soát dịch bệnh Covid – 19, vừa tạo điều kiện cho các hoạt động kinh tế diễn ra bình thường, tăng trưởng kinh tế tỉnh TTH năm 2021 đạt mức tăng trưởng 4,36% với ngành công nghiệp xây dựng tăng 7,74% trong đó công nghiệp ước đạt 8,42%; ngành nông - lâm - ngư nghiệp tăng 3,62%.

4.1.4. Các nguồn lực cho sự phát triển và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

*** Quy mô vốn**

Tổng nguồn vốn của khu vực doanh nghiệp FDI sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh thời điểm 2020 là 3.411 nghìn tỷ đồng, gấp 14,2 lần năm 2015, bình quân giai đoạn 2015-2021 tăng 24,7%/năm. Trong đó, vốn của doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài năm 2015 là 89.062 tỷ đồng, đến năm 2020 lên đến 2.663,358 nghìn tỷ đồng, tăng bình quân 32,7%/năm. Xét theo ngành kinh doanh vốn FDI đầu tư vào khu vực công nghiệp và xây dựng năm 2015 có 162.618 tỷ đồng, chiếm 67,7% tổng nguồn vốn, đến năm 2019 nguồn vốn của khu vực công nghiệp xây dựng đã là 1.883.151 tỷ đồng, chiếm 55,2%, và tăng bình quân giai đoạn này là 22,6%/ năm (riêng công nghiệp năm 2015 là 161.425 tỷ đồng, chiếm 67,2% đến năm 2019 nguồn vốn đã là 1.845.148 tỷ đồng, chiếm 54,1%, tăng bình quân 22,5%/năm); tiếp đến là khu vực dịch vụ, năm 2015 là 76.131 tỷ đồng, chiếm 31,7%, đến năm 2019 nguồn vốn đã là 1.518.419 tỷ đồng và chiếm 44,5%, tăng bình quân giai đoạn này là 28,3%/năm. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản nguồn vốn đầu tư năm 2015 là 1.486 tỷ đồng, chiếm 0,62%, đến năm 2019 nguồn vốn đầu tư vào khu vực này đã lên đến 9.779 tỷ đồng, chiếm 0,3%, mức tăng nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2015- 2019 của khu vực này là 17%/năm. Chỉ số quay vòng vốn (tính bằng doanh thu trên vốn) của khu vực FDI cao hơn các khu vực còn lại, chỉ số này của khu vực FDI năm 2019 đạt 0,9 lần (năm 2015 là 0,7 lần), trong khi khu vực DN ngoài nhà nước là 0,7 lần và thấp nhất là các DNNN chỉ có 0,5 lần. Hiệu suất sinh lợi trên vốn và trên doanh

thu của khu vực FDI cao hơn nhiều so với các khu vực còn lại, cụ thể hiệu suất sinh lời trên vốn và trên doanh thu của khu vực FDI năm 2019 đạt 7,3% và 7,9% trong khi khu vực DNNN đạt 3,2% và 6%, thấp nhất là khu vực DN ngoài nhà nước với 0,8% và 1,2%. Thu nhập bình quân một lao động một tháng năm 2019 đạt 6,6 triệu đồng, thấp hơn mức 9,6 triệu đồng của khu vực DNNN, nhưng cao hơn mức 5,1 triệu đồng của khu vực DN ngoài nhà nước.

Bảng 2: Tình hình thực hiện vốn của các dự án mới có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Tỉnh giai đoạn 2015 – 2020

CHỈ TIÊU	ĐVT	2015	2016	2017	2018	2019	2020
1. Số dự án cấp mới	dự án	9	12	6	7	15	21
2. Vốn đăng ký cấp mới	Triệu USD	446,53	23,56	1,64	27,9	294,5	427,38
3. Số dự án tăng/giảm vốn	dự án	3	2	2	2	2	6
4. Vốn đăng ký tăng thêm/ giảm bớt	Triệu USD	5,3	74,69	0,36	1.135	15,5	132,88
5. Vốn cấp mới và tăng thêm	Triệu USD	451,83	98,25	2,00	1.162,9	310	560,26

Nguồn: Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế

Số dự án cấp mới năm 2016 tăng so với năm 2015, năm 2017 số dự án đăng ký cấp mới lại ít hơn so với năm 2016, tuy nhiên từ năm 2017 đến 2020 số dự án đăng ký cấp mới tăng đều hàng năm. Bên cạnh số vốn đăng ký ban đầu, các dự án đã không ngừng tăng thêm vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh.

*** Quy mô lao động**

Lao động làm việc trong các doanh nghiệp FDI tại năm 2015 có 17.500 người với mức thu nhập bình quân 19 triệu đồng/người/năm thì đến thời điểm này của năm 2020 đã tăng lên đến trên 23.000 người, tăng 31,4% so với năm 2015, thu thập bình quân của người lao động cũng đã tăng lên và đạt 78,6 triệu đồng/người/năm. Hàng năm các doanh nghiệp không ngừng mở rộng quy mô sản xuất đồng nghĩa với việc mở rộng quy mô lao động. Tiêu biểu, năm 2020, dự án nhà máy may của Công ty TNHH Hanesbrands (Hoa Kỳ) với tổng vốn đăng ký 35,2 triệu USD, đóng góp cho ngân sách tỉnh 1,8 triệu USD, giải quyết việc làm cho 6.388 lao động; dự án sản xuất bia của Công ty TNHH Bia Carlsberg Việt Nam giải quyết hơn 400 lao động; dự án Khu du lịch Laguna Lăng Cô của Tập đoàn Bayantree (Singapore) với tổng vốn đăng ký 2 tỷ USD, đóng góp ngân sách tỉnh 1,9 triệu USD, giải quyết việc làm cho 1.110 lao động...

4.1.5. Công tác vận động, xúc tiến đầu tư

Hiện nay, theo chức năng quản lý nhà nước được phân công và theo các địa bàn trọng điểm cần kêu gọi đầu tư, tỉnh TTH đang có nhiều cơ quan làm công tác xúc tiến đầu tư gồm:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xúc tiến đầu tư, thẩm định và trình phê duyệt kế hoạch xúc tiến đầu tư trên địa bàn, xây dựng các tài liệu, danh mục dự án kêu gọi đầu tư cho toàn tỉnh, thực hiện xúc tiến, kết nối và hỗ trợ nhà đầu tư nghiên cứu các dự án đầu tư trên địa bàn toàn tỉnh.

- Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ Đầu tư tỉnh thuộc Văn phòng UBND tỉnh sẽ cơ quan tham mưu giúp Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi việc kết nối, hỗ trợ nhà đầu tư.

- Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh thực hiện chức năng thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô và các Khu công nghiệp tỉnh như xây dựng tài liệu xúc tiến và tổ chức các hoạt động xúc tiến, kêu gọi các nhà đầu tư vào địa bàn quản lý.

- Ngoài ra các Sở Công thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Sở Du lịch cũng có Trung tâm xúc tiến đầu tư trong lĩnh vực thương mại và du lịch riêng của mình.

Công tác xúc tiến của các cơ quan được thực hiện theo kế hoạch xúc tiến đầu tư hàng năm và được UBND tỉnh phê duyệt. Tuy nhiên vẫn thiếu vai trò của một nhạc trưởng để điều phối công tác này. Theo quy chế quản lý nhà nước về xúc tiến đầu tư tại Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Kế hoạch xúc tiến đầu tư của tỉnh được tổ chức thành 08 mục tiêu cụ thể gồm: Nghiên cứu đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư; xây dựng các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động XTĐT; Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư; các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng và cơ hội đầu tư; Đào tạo tập huấn, tăng cường năng lực về XTĐT; hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc tìm hiểu về pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư; tiềm năng, thị trường, đối tác và cơ hội đầu tư; triển khai dự án sau khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư; thực hiện các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế xúc tiến đầu tư.

4.2 Đánh giá mức độ hoàn thiện môi trường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh TTH qua số liệu điều tra

** Đánh giá mức độ hoàn thiện môi trường pháp lý, cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư, thủ tục hành chính và công tác vận động xúc tiến đầu tư*

Qua điều tra 130 phiếu khảo sát đối với 100 doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại tỉnh TTH và 30 cán bộ có kinh nghiệm trong lĩnh vực FDI về mức độ hoàn thiện môi trường pháp lý, cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư, thủ tục hành chính và công tác vận động xúc tiến đầu tư tại tỉnh TTH thì thấy rằng có rất ít ý kiến (khoảng từ 5 – 13) cho rằng các yếu tố trong bảng 3 có mức độ hoàn thiện kém, còn lại hơn 90% ý kiến đều đánh giá từ mức độ trung bình trở lên. Như vậy cho thấy, ở TTH, các thủ tục đầu tư, quy trình đầu tư

và các yếu tố liên quan đến môi trường đầu tư vốn FDI đều có mức độ hoàn thiện tốt (bảng 2). Vẫn còn một số ít người đánh giá không hoàn thiện lắm, vì vậy, để các dự án có vốn FDI đến đầu tư vào tỉnh TTH ngày càng nhiều, thì tỉnh cần có những giải pháp, chính sách phù hợp để phát triển các doanh nghiệp FDI hiệu quả hơn.

Bảng 3: Mức độ hoàn thiện môi trường pháp lý, cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư, thủ tục hành chính và công tác vận động xúc tiến đầu tư

DVT: %

Yếu tố đánh giá	Mức độ hoàn thiện				
	Rất kém	Kém	Trung bình	Tốt	Rất tốt
Thủ tục, thời gian cấp phép đầu tư	3,08	4,62	41,54	32,3	18,46
Thủ tục, thời gian thẩm định thiết kế kỹ thuật, cơ sở, quy hoạch, cấp phép xây dựng	1,54	3,85	36,15	41,54	16,92
Quy định về giá thuê đất	0,77	30,77	43,85	36,92	15,38
Sự can thiệp của chính quyền vào hoạt động của doanh nghiệp	1,54	3,85	31,54	38,46	24,61
Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	4,62	3,85	33,08	40,00	18,45
Thủ tục và quy định nhập khẩu	3,08	6,15	31,54	32,31	20,00
Lãi suất	2,3	5,38	33,85	41,54	16,92
Môi trường pháp lý phù hợp với thông lệ quốc tế	4,62	1,54	35,38	40,00	18,46
Cơ chế chính sách ưu đãi của tỉnh đối với doanh nghiệp FDI	0,77	3,08	37,69	37,69	13,07
Các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp FDI	1,54	2,3	38,46	43,84	13,85
Giải quyết nhanh thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai	1,54	1,54	35,38	50,77	11,54
Công tác vận động xúc tiến đầu tư	2,3	3,85	34,26,15	43,07	24,61

Nguồn: Số liệu điều tra

*** Đánh giá môi trường chính sách thuế áp dụng cho các doanh nghiệp FDI**

Một khi đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh thì dù đó là doanh nghiệp trong nước hay nước ngoài đều phải thực hiện nghĩa vụ với nhà nước, chính là đóng các khoản thuế, phí vào NSNN của Tỉnh. Với mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện nay là 25%, có đến 47 (39,17%) người được hỏi cho rằng mức thuế đó là cao so với tình hình hiện nay, khi mà các doanh nghiệp đang kinh doanh khó khăn, nhiều doanh nghiệp phải ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc tuyên bố phá sản.

*** Đánh giá mức độ hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội, môi trường chính trị - xã hội và sự ổn định kinh tế vĩ mô**

Bảng 4: Mức độ hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội, môi trường chính trị - xã hội và sự ổn định kinh tế vĩ mô ở tỉnh TTH

DVT: %

Yếu tố đánh giá	Mức độ hoàn thiện				
	Rất kém	Kém	Trung bình	Tốt	Rất tốt
Hệ thống cơ sở hạ tầng	0,77	3,85	39,23	38,46	18,46
Hệ thống giao thông, vận chuyển hàng hóa	2,31	1,54	35,38	65	10,77
Tính năng động của lãnh đạo tỉnh	1,54	6,92	30,77	38,46	22,3
Tăng trưởng kinh tế của tỉnh	1,54	3,85	34,61	38,46	21,54
Môi trường chính trị xã hội	3,08	2,31	35,38	40,00	18,46
Môi trường văn hóa – xã hội	2,31	6,15	31,54	38,46	21,54

Nguồn: Số liệu điều tra

Qua điều tra 130 phiếu về mức độ hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội, môi trường chính trị - xã hội và sự ổn định kinh tế vĩ mô ở tỉnh TTH hầu hết các yếu tố về môi trường kinh tế, chính trị xã hội ổn định, an ninh tốt, điều kiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cơ sở hạ tầng xã hội, khả năng phát triển kinh tế của tỉnh, hệ thống giao thông, vận chuyển hàng hóa, tính năng động của lãnh đạo tỉnh đã có những bước cải thiện (xem bảng 4)

* *Đánh giá mức độ hoàn thiện các nguồn lực cho thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài và quy mô, tốc độ phát triển của thị trường đầu tư*

Trong giai đoạn từ 2015 – 2021 do ảnh hưởng của tình hình kinh tế thế giới nên thị trường trong và ngoài nước có nhiều biến động, điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình thu hút vốn đầu tư ở TTH. Mặc dù chịu tác động của kinh tế thế giới cũng như dịch bệnh Covid – 19 kéo dài nhưng các nguồn lực cho thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài và quy mô, tốc độ phát triển của thị trường đầu tư vẫn có những bước hoàn thiện đáng kể.

Bảng 5: Mức độ mức độ hoàn thiện các nguồn lực cho thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài và quy mô, tốc độ phát triển của thị trường đầu tư

DVT: %

Yếu tố đánh giá	Mức độ hoàn thiện				
	Rất thấp	Thấp	Trung bình	Cao	Rất cao
Quy mô vốn	1,54	3,07	41,54	43,07	10,77
Trình độ nguồn nhân lực	0,77	3,07	33,85	50,00	12,3
Trình độ ứng dụng khoa học công nghệ	8,46	24,61	42,31	23,84	0,77
Thị trường đầu ra	0,77	2,31	36,15	51,54	9,23
Thị trường đầu vào	1,54	3,07	38,47	46,92	10,00

Nguồn: Số liệu điều tra

5. Một số giải pháp hoàn thiện môi trường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh TTH

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và thay đổi cách tiếp cận về môi trường thu hút vốn đầu tư nước ngoài

Các cấp, các ngành, các đơn vị liên quan của tỉnh TTH cần tập trung quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2025, Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, Kế hoạch hành động thực hiện khâu đột phá về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh TTH giai đoạn 2016 - 2020 của UBND tỉnh. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, làm cho từng cán bộ, công chức và người dân nhận thức rõ đây là khâu đột phá để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

Sở Thông tin và Truyền thông, Báo TTH, Báo Văn hoá và Đời sống, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tiếp tục mở các chuyên trang, chuyên mục để tuyên truyền về chủ trương, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; thông tin về địa bàn, lĩnh vực, sản phẩm khuyến khích đầu tư, các quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách, các dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư,... để người dân, doanh nghiệp biết, tìm hiểu cơ hội đầu tư, kinh doanh

Thứ hai, rà soát, hoàn chỉnh công tác quy hoạch

Nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của tỉnh TTH là phải xây dựng chính sách ưu đãi đầu tư phù hợp với định hướng thu hút đầu tư nước ngoài giai đoạn 2016 - 2020 tầm nhìn 2030. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quy hoạch từ khâu lập, thẩm định, phê duyệt đến quản lý quy hoạch, hoàn thiện, nâng cao hiệu quả chế độ phân cấp quản lý đầu tư nước ngoài, bao gồm việc phân cấp Giấy chứng nhận đầu tư, quản lý hoạt động đầu tư nước ngoài và phân cấp quản lý một số lĩnh vực (môi trường, đất đai, xây dựng, khoáng sản, công nghệ, thương mại, giáo dục đào tạo và y tế) theo hướng phân cấp nhưng phải đảm bảo quản lý chặt chẽ, hiệu quả, gắn với thực hiện cơ chế kiểm tra, giám sát.

Bên cạnh đó, tiếp tục rà soát luật pháp, chính sách để sửa đổi hoặc loại bỏ các điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư không phù hợp với cam kết của Việt Nam với WTO, AEC, TTP và có giải pháp đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư liên quan. Ban hành các ưu đãi khuyến khích đầu tư đối với các dự án xây dựng các công trình phúc lợi (nhà ở, bệnh viện, trường học, công trình văn hóa, thể thao) cho người lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, đảm bảo sự tương thích với các luật pháp hiện hành.

Thứ ba, hoàn thiện môi trường pháp lý và đẩy mạnh cải cách hành chính

Cải cách thủ tục hành chính với trọng tâm là đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tập trung ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo công khai minh bạch trong thực thi công vụ. Rà soát, bổ sung, sửa đổi các quy định không còn phù hợp, đảm bảo quyền bình đẳng cho tất cả các doanh nghiệp không phân biệt loại hình, thành phần kinh tế trong cơ hội tiếp cận các nguồn lực như: đất đai, tài nguyên, điện năng... và cơ hội đầu tư kinh doanh.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tạo chuyển biến mạnh mẽ về cải cách thủ tục hành chính theo mô hình một cửa, một cửa liên thông, kết nối điện tử nhằm giảm bớt giấy tờ, thời gian, chi phí thực hiện các thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp, nhất là các thủ tục hành chính liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh như: thành lập doanh nghiệp, quyết định chủ trương đầu tư, cấp phép quy hoạch - xây dựng, giao đất, cho thuê đất, thuê, hải quan, bảo hiểm, tiếp cận nguồn vốn, điện năng, đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, đăng ký tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm... Rà soát giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết các thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường... so với quy định của Trung ương để đảm bảo thuận lợi nhất cho tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân khi tham gia đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Thứ tư, hoàn thiện cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp

Tiếp tục nêu cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong thực hiện vai trò trách nhiệm hỗ trợ, đồng hành cùng với doanh nghiệp; linh hoạt, sáng tạo trong giải quyết công việc; duy trì chế độ gặp gỡ, đối thoại trực tiếp, đồng thời thiết lập, nâng cao hiệu quả hoạt động của Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của nhà đầu tư và doanh nghiệp để nắm bắt, giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong quá trình đầu tư và sản xuất kinh doanh; nâng cao trách nhiệm của các ngành, các cấp trong công tác phối hợp giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động của nhà đầu tư và doanh nghiệp.

Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông và quảng bá thương hiệu sản phẩm; hỗ trợ phát triển thương hiệu sản phẩm gắn với doanh nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia các diễn đàn, hội chợ, hội nghị xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch trong tỉnh, trong nước và ở nước ngoài. Tăng cường cung cấp, phổ biến thông tin và các hướng dẫn thực thi cam kết trong khuôn khổ hợp tác kinh tế quốc tế và các hiệp định kinh tế - thương mại để nâng cao năng lực hội nhập cho doanh nghiệp, tiếp cận, mở rộng thị trường xuất khẩu.

Thứ năm, đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Đề khắc phục những yếu kém về kết cấu hạ tầng, tỉnh TTH cần tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp chất lượng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội như: hạ tầng cảng, hệ thống giao thông, sân bay, bệnh viện, trường học, khách sạn, khu vui chơi đạt tiêu chuẩn quốc tế nhằm tăng tính tiện ích cho nhà đầu tư trong triển khai dự án cũng như quá trình làm việc, sinh sống tại tỉnh TTH.

Bên cạnh đó, tỉnh TTH cần tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển các ngành, lĩnh vực của tỉnh đã ban

hành; rà soát quy định lại giá đất sản xuất kinh doanh cho phù hợp; nghiên cứu, xây dựng một số cơ chế, chính sách mới, nhất là cơ chế, chính sách về sử dụng đất đai, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ đổi mới công nghệ, xây dựng thương hiệu, hỗ trợ đầu tư các hạ tầng thiết yếu theo hướng thông thoáng, thủ tục đơn giản, dễ kiểm tra, dễ thực hiện và có tính khả thi cao; đồng thời hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư được thụ hưởng đầy đủ, kịp thời các cơ chế, chính sách của Trung ương và của tỉnh.

Thường xuyên đấu nối chặt chẽ với các Bộ, ban, ngành Trung ương để tranh thủ tối đa nguồn vốn hỗ trợ theo các chương trình mục tiêu, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước, kết hợp với huy động vốn từ quỹ đất, các nguồn huy động hợp pháp khác để tập trung đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nhằm tạo thuận lợi cho thu hút đầu tư. Thực hiện tái cơ cấu đầu tư công, bố trí nguồn vốn tập trung, tránh dàn trải; ưu tiên bố trí nguồn vốn từ ngân sách cho các công trình quan trọng, có tác động lan tỏa lớn.

Thứ sáu, phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội

Tỉnh cần xây dựng kế hoạch đầu tư hoàn thiện thiết bị dạy nghề để đảm bảo trình độ tay nghề cho học sinh sau khi tốt nghiệp. Phối hợp với các cơ sở dạy nghề khác trên địa bàn để khai thác tối đa công suất của thiết bị dạy nghề đã được đầu tư. Phối hợp với các doanh nghiệp trên địa bàn để đưa học sinh, sinh viên đến thực tập ngay tại doanh nghiệp, nhằm giúp các em tiếp cận với tác phong lao động công nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật và thiết bị sản xuất tiên tiến, hiện đại của các nước trong khu vực và trên thế giới. Cần trang bị những kiến thức kinh tế đối ngoại, am hiểu luật đầu tư và các luật lệ khác có liên quan, thông thạo ngoại ngữ, thông qua các hình thức đào tạo phù hợp như các khóa bồi dưỡng ngắn hạn, các lớp đại học tại chức và sau đại học... cho cán bộ làm công tác quản lý. Ngoài ra, tỉnh cần có kế hoạch, biện pháp quản lý, giúp đỡ bồi dưỡng thông qua các cuộc sinh hoạt, trao đổi kinh nghiệm, hội thảo, hội nghị để nâng cao trình độ.

Thứ bảy, hoàn thiện công tác xúc tiến đầu tư

Trước sự biến động phức tạp của tình hình kinh tế, thương mại và đầu tư trên thế giới như hiện nay, đặc biệt là sự suy giảm kinh tế toàn cầu bởi dịch Covid 19, từ đó cần nghiên cứu, phân tích thị trường, xu thế đầu tư trong nước và quốc tế nhằm tạo ra được những kịch bản và chiến lược marketing để định hình sản phẩm xúc tiến đầu tư phù hợp. Tiến hành khảo sát, xác định diện tích, quy mô, hiện trạng, quy hoạch và các vấn đề liên quan để xây dựng thông tin kêu gọi đầu tư, công bố, công khai trên các phương tiện truyền thông để kêu gọi đầu tư. Hình thành chiến lược truyền thông, marketing sản phẩm.

Sau khi xây dựng được sản phẩm xúc tiến đầu tư là các thông tin chi tiết kêu gọi đầu tư để công bố, cần có các phương pháp truyền thông, marketing sản phẩm. Đẩy mạnh công tác truyền thông sản phẩm, tăng tần suất xuất hiện của các dự án kêu gọi đầu tư trên các phương tiện truyền thông; Hình thành các website để truyền thông về sản phẩm xúc tiến đầu tư, tăng cường đăng tải thông tin xúc tiến đầu tư bằng hai ngôn ngữ Việt - Anh;

Thiết lập cơ chế trao đổi kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm cho cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư bằng kế hoạch tập huấn kiến thức chuyên môn cụ thể theo dạng hội thảo chuyên đề và các chương trình thực địa các địa điểm kêu gọi đầu tư, các chương trình thực tế, học hỏi kinh nghiệm tại các địa phương; Cân đối ngân sách để mời chuyên gia về đào tạo; Tìm kiếm các chuyên gia nước ngoài về công tác xúc tiến đầu tư

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Cục Thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế. (2021). *Niên giám thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2020*. Nhà xuất bản Thống kê.

Hoàng Thanh Bình. (2012). *Nghiên cứu giải pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thừa Thiên Huế* [Luận văn tốt nghiệp, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế].

Nguyễn Thị Nhật Ly. (2014). *Thực trạng thu hút FDI vào lĩnh vực công nghệ cao ở tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn hiện nay* [Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế].

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế. (2015). *Báo cáo về đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2015*.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế. (2017). *Báo cáo về đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2017*.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế. (2019). *Báo cáo về đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2019*.

Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế. (2021). *Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư*.

Trương Đoàn Thử. (2004). *Hoàn thiện quản lý nhà nước các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Hà Nội*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. (2016). *Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2016–2020*.

Hà Xuân Ván. (2008). *Hoàn thiện môi trường chính sách khuyến khích đầu tư vốn ở tỉnh Thừa Thiên Huế hiện nay* [Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế].

IMPROVING ENVIRONMENT FOR ATTRACTING FOREIGN DIRECT INVESTMENT IN THUA THIEN HUE PROVINCE

Nguyen Ho Minh Trang

Abstract. According to statistics of the Department of Planning and Investment of Thua Thien Hue Province, there are 113 active FDI projects in the province with a total registered capital of 3,831.21 million USD in 2021. However, the environment for attracting foreign direct investment has not met the expectations. It has not provided foreign investors with sufficient support. In addition, it has not become an efficient method to promote FDI. Regulations on incentives for foreign investors are slowly issued. There has been still differentiation between domestic and foreign enterprises when policies supporting investment are formulated and promulgated. The article focuses on analyzing the situation of improving the investment climate for attracting foreign direct investment in Thua Thien Hue province in the period of 2015 – 2021. It evaluates the achievements and limitations of the process of improving the investment environment. Then solutions to improve the investment climate are proposed to attract more FDI in Thua Thien Hue province in the future

Keywords: Improve; Environment for Attracting Investment; Foreign Direct Investment; FDI.